

Số: 174/QĐ-BQL

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu
Gói thầu Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán,
Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn,
huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý dự án nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 Bộ Tài Chính về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-BQL ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Tuyến

đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-BQL ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng và dự toán giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-BQL ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt giá các gói thầu giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-BQL ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc ủy quyền chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện và ký các văn bản giai đoạn triển khai, thực hiện dự án;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BQL ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc thành lập tổ thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các dự án thuộc ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Báo cáo ngày tháng 9 năm 2025 của Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Cơ sở lập hồ sơ mời thầu:

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ mời thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 Bộ Tài Chính về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-BQL ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-BQL ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát xây dựng và dự toán giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-BQL ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp về việc phê duyệt giá các gói thầu giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công Dự án Tuyến đê ngăn mặn từ sông Tân Hương đến Cái Bè Cạn, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

2. Nội dung hồ sơ mời thầu:

Chấp thuận nội dung hồ sơ mời thầu Gói thầu Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, Dự án Đầu tư xây dựng Cổng Vàm Mơn và Hạ tầng kết nối thuộc xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

Phần 1. Thủ tục đấu thầu:

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;
- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

Phần 2. Điều khoản tham chiếu

Chương V. Điều khoản tham chiếu

Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng:

- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;
- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.

3. Địa điểm phát hành hồ sơ mời thầu và nộp hồ sơ dự thầu: Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ: <http://muasamcong.mpi.gov.vn>

4. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu: (Phục lục kèm theo)

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

7. Giá gói thầu: 10.692.508.955 đồng.

8. Loại hợp đồng: Trọn gói.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

10. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030..

Điều 2. Giao Phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chuyên môn, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD, các PGD;
- Phòng TC-KH (03b);
- Lưu: VT, ĐHDA2.QThinh.



Lê Minh Tuyên



TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

(Đính kèm Quyết định số 14/QĐ-BQL ngày 19 tháng 9 năm 2025)

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo qui định của pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh; có đăng ký ngành nghề kinh doanh: khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình, thiết kế công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu,

căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu (Từ 0 đến 15% tổng số điểm)	15,00		
1.1	Từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu (mốc thời gian tính theo ngày nghiệm thu công tác tư vấn), nhà thầu đã thực hiện hoàn thành số lượng hợp đồng tương tự: “Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất và lập báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất và lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán) thuộc loại công trình Nông nghiệp PTNT, cấp III trở lên, trong đó có các hạng mục: đê có bề rộng mặt $\geq 4\text{m}$ và tối thiểu 8 cống dưới đê có cửa van với bề rộng thông nước $\geq 2\text{m}$, trên nền cọc BTCT.	12,00	+ Từ 4 hợp đồng trở lên (100%): 12,0 điểm + 3 hợp đồng (70%): 8,4 điểm + 2 hợp đồng (50%): 6 điểm + ≤ 1 hợp đồng: 0 điểm	
	Tài liệu chứng minh: Tất cả các tài liệu chứng minh phải là scan bản chính hoặc bản sao có chứng thực. + Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng; + Biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác tư vấn hoặc biên bản thanh lý hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư; + Bản sao Quyết định phê duyệt dự án hoặc thiết kế hoặc các tài liệu pháp lý khác có liên quan để chứng minh quy mô, loại và cấp công trình. Nhà thầu đã hoàn thành hợp đồng với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh (trường hợp là thành viên liên danh thì chỉ tính phần việc nhà thầu đã đảm nhận trong hợp đồng liên danh). Nếu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ thì phải có xác nhận của Chủ đầu tư, Hợp đồng giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, Biên bản nghiệm thu nội bộ giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, Hợp đồng giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư, Biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư. Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn			

	thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá. Đối với liên danh dự thầu: Từng thành viên trong liên danh phải cung cấp đầy đủ các tài liệu để chứng minh theo các yêu cầu nêu trên tương ứng với phần công việc đảm nhận trong liên danh.			
1.2	Các yếu tố khác (phương tiện, điều kiện làm việc): Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động máy móc, thiết bị để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây: 1. 02 máy định vị vệ tinh. 2. 01 máy đo sâu hồi âm. 3. 02 máy toàn đạc điện tử. 4. 02 máy thủy bình. 5. 01 máy khoan địa chất. 6. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận (LAS-XD) 7. 01 phần mềm chuyên ngành: Thiết kế công trình hoặc tính toán kết cấu kèm giấy chứng nhận bản quyền phần mềm hoặc các tài liệu khác có liên quan. 8. 01 Phần mềm dự toán kèm giấy chứng nhận bản quyền phần mềm hoặc các tài liệu khác có liên quan. Tài liệu chứng minh: 1. Trường hợp thuộc sở hữu: tài liệu chứng minh máy móc, thiết bị, phần mềm, phòng thí nghiệm thuộc sở hữu của nhà thầu. 2. Trường hợp đi thuê: Hợp đồng thuê mượn có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của đơn vị cho thuê. 3. Đối với thiết bị khảo sát địa hình, khảo sát địa chất: Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu. 4. Phòng thí nghiệm phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng do cơ quan có	3,00	- Nhà thầu sở hữu 100% số lượng thiết bị và có giấy chứng nhận sử dụng phần mềm: 3 điểm - Nhà thầu sở hữu và thuê các thiết bị trên và có giấy chứng nhận sử dụng phần mềm: 2,1 điểm - Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm	

	chức năng cấp, trường hợp thuê phải kèm hợp đồng nguyên tắc có tên gói thầu và tên công trình phù hợp với TBMT. * Lưu ý: - Trường hợp nhà thầu tham dự không đính kèm đầy đủ các yêu cầu trên hoặc có đính kèm nhưng chưa rõ theo yêu cầu của E-HSMT thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung theo quy định của E-HSMT. - Trường hợp nhà thầu không làm rõ, bổ sung hoặc đã làm rõ, bổ sung nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nội dung này sẽ được đánh giá là 0 điểm.			
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu (5% tổng số điểm)	5,00		
2.1	Trừ trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do bất khả kháng, nhà thầu bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu khi thực hiện các hành vi sau: + Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có); + Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; + Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung; + Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. + Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;	2,50	+ Không vi phạm và có cam kết không vi phạm các nội dung theo yêu cầu: 2,50 điểm. + Có vi phạm và không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đủ đầy nội dung theo yêu cầu: 0 điểm.	

	+ Nhà thầu không nộp bản gốc HSDT theo quy định của pháp luật về đấu thầu + Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày bên mời thầu mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với chào giá trực tuyến rút gọn. Lưu ý: + Đối với liên danh dự thầu: Từng thành viên trong liên danh phải có cam kết đáp ứng theo yêu cầu mới được đánh giá là đạt. + Nhà thầu cam kết chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trên, trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.			
2.2	Trừ trường hợp nhà thầu đồng thời được xếp thứ nhất ở nhiều gói thầu hoặc do bất khả kháng, nhà thầu bị đánh giá về uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu:	2,50	+ Không vi phạm và có cam kết không vi phạm các nội dung theo yêu cầu: 2,50 điểm. + Có vi phạm và không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đủ đầy nội dung theo yêu cầu: 0 điểm.	
	a) Nhà thầu có hợp đồng vi phạm tiến độ bị chủ đầu tư xử phạt vi phạm hợp đồng; b) Nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu. Lưu ý: + Đối với liên danh dự thầu: Từng thành viên trong liên danh phải có cam kết đáp ứng theo yêu cầu mới được đánh giá là đạt. + Nhà thầu cam kết chính xác, trung thực trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu có nội dung cam kết không trung thực thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.			
3	Giải pháp và phương pháp luận (Từ 30 đến 40% tổng số điểm)	30,00		21,00

3.1	Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ của công trình, gói thầu đã nêu trong điều khoản tham chiếu	4,00		2,8
3.1.1	Am hiểu về mục tiêu và nhiệm vụ, quy mô của công trình, gói thầu nêu trong điều khoản tham chiếu	1,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 1,00 điểm. + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 0,70 điểm. + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.1.2	Đề xuất kỹ thuật có các nội dung mô tả về vị trí, hiện trạng tuyến, đặc điểm của công trình.	1,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 1,00 điểm. + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 0,70 điểm. + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.1.3	Nhà thầu có thực hiện công tác khảo sát hiện trường: trình bày các nội dung khảo sát hiện trường, kèm hình ảnh chứng minh và đề xuất giải pháp thiết kế phù hợp với hiện trạng	2,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 2,00 điểm. + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 1,40 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	12,00		8,4
3.2.1	Trình bày giải pháp khảo sát địa hình, địa chất (nêu rõ căn cứ, tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng); Biện pháp đảm bảo an toàn đối với quá trình khảo sát. Am hiểu của nhà thầu về địa hình, địa chất khu vực	2,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 2,00 điểm. + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 1,40 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.2.2	Trình bày giải pháp lập Thiết kế bản vẽ thi công: Đề xuất giải pháp thiết kế có các nội dung mô tả về đặc điểm của các hạng mục, phân tích lựa chọn các hạng mục, các cơ sở lập thiết kế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng; Đề xuất các mô hình tính toán thủy văn, thủy lực và những giải pháp thiết kế tương tự trong khu vực	6,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 6,00 điểm. + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 4,20 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.2.3	Trình bày giải pháp lập dự toán: Đề xuất giải pháp và các cơ sở để lập dự toán: Mô tả đầy đủ các tiết các cơ sở để lập dự toán theo quy định hiện hành của pháp luật đối với gói thầu này và những lưu ý (nếu có)	2,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 2,00 điểm + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 1,40 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	

3.2.4	Đề xuất về kỹ thuật bao gồm tất cả hạng mục công việc quy định trong điều khoản tham chiếu đáp ứng quy định của pháp luật. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic, đồng thời có phân công cho từng chuyên gia đề xuất cho dự án; Có sơ đồ quy trình khảo sát, thiết kế.	2,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 2,00 điểm + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 1,40 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.3	Sáng kiến cải tiến	3,00		2,1
3.3.1	Đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án bao gồm: Tiến độ thực hiện; Chất lượng hồ sơ và báo cáo; An toàn lao động;	1,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 1,00 điểm + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 0,70 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.3.2	Đề xuất xử lý kết nối với các dự án khác liên quan	1,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 1,00 điểm + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 0,70 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.3.3	Đề xuất giải pháp thiết kế tiết kiệm, chất lượng, biện pháp thi công khả thi, phù hợp, dễ thực hiện, tiết kiệm được chi phí thi công, rút ngắn thời gian thực hiện dự án	1,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 1,00 điểm + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 0,70 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	
3.4	Cách trình bày hồ sơ đề xuất hợp lý, logic, dễ theo dõi, hoàn chỉnh và thuyết phục	2,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 2,00 điểm + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 1,40 điểm + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm	1,4
3.5	Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện	6,00		4,2
3.5.1	Tiến độ thực hiện gói thầu: Có biểu đồ tiến độ chi tiết phù hợp với kế hoạch triển khai và có thời gian tối đa hoàn thành các công việc của gói thầu không quá 30 ngày	4,00	Cứ rút ngắn 2 ngày được 1 điểm, tối đa 4 điểm	1,4
3.5.2	Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện dự án. Mỗi một nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp và rõ ràng.	1,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 1,00 điểm. + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 0,7 điểm. + Không có hoặc có nhưng	

			không đáp ứng: 0 điểm	
3.5.3	Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến. Nhà thầu phải có biểu mô tả kế hoạch thực hiện và tiến độ nộp báo cáo. Phân khai rõ thời gian thực hiện các công tác nêu trên của gói thầu	1,00	+ Đầy đủ chi tiết, đạt yêu cầu: 1,00 điểm. + Tương đối đầy đủ, chưa chi tiết: 0,7 điểm. + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng: 0 điểm.	
3.6	Bố trí nhân sự hợp lý	3,00		2,1
3.6.1	Nhân sự được bố trí theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu	1,00	+ Phù hợp hoàn toàn: 1,00 điểm; + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng với yêu cầu: 0 điểm.	
3.6.2	Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai	1,00	+ Phù hợp hoàn toàn: 1,00 điểm; + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng với yêu cầu: 0 điểm.	
3.6.3	Cơ sở đồ nhân sự dự kiến phù hợp với các nhiệm vụ đưa ra trong chương trình làm việc và phù hợp với danh sách chuyên gia thực hiện dịch vụ tư vấn.	1,00	+ Phù hợp hoàn toàn: 1,00 điểm; + Không có hoặc có nhưng không đáp ứng với yêu cầu: 0 điểm.	
4	Nhân sự chủ chốt (Từ 50 đến 60% tổng số điểm)		50,00	35,00
	Vị trí	Số lượng		
4.1	Chủ nhiệm khảo sát địa hình	1	5,00	3,5
			+ Tốt nghiệp từ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp. + Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình hạng II trở lên (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu). + Có Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn. + Có hợp đồng lao động (hoặc tài liệu khác) để chứng minh khả năng huy động nhân sự. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh cho các yêu cầu nêu trên và đáp ứng	

				các yêu cầu sau thì được đánh giá theo mức điểm tương ứng.	
4.1.1	Kinh nghiệm công tác tư vấn: “Xác định theo ngày cấp bằng đại học trở lên”	1,00		+ ≥ 7 năm: 1 điểm. + ≥ 4 năm: 0,7 điểm. + < 4 năm: 0 điểm.	
4.1.2	Số lượng “hợp đồng” đã làm Chủ nhiệm khảo sát địa hình công trình xây dựng, nhóm B và cấp III trở lên tính từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu (mốc thời gian tính theo ngày nghiệm thu công tác tư vấn). Lưu ý: + Nếu nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải có xác nhận của Chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, biên bản nghiệm thu nội bộ giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, hợp đồng giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư. + Nhà thầu cung cấp Bản chụp chứng thực tài liệu để chứng minh: Hợp đồng tư vấn; Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư; Xác nhận của Chủ đầu tư có thể hiện sự tham gia của nhân sự hoặc các tài liệu tương đương khác; Bản chụp Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở để xác định loại và cấp công trình.	4,00		+ ≥ 03 hợp đồng: 4 điểm; + 02 hợp đồng: 2,8 điểm; + ≤ 01 hợp đồng: 0 điểm.	

4.2	Chủ nhiệm khảo sát địa chất	1	5,00	+ Tốt nghiệp từ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp. + Có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất hạng III trở lên (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu). + Có Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn. + Có hợp đồng lao động (hoặc tài liệu khác) để chứng minh khả năng huy động nhân sự. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh cho các yêu cầu nêu trên và đáp ứng các yêu cầu sau thì được đánh giá theo mức điểm tương ứng.	3,5
4.2.1	Kinh nghiệm công tác tư vấn: “Xác định theo ngày cấp bằng đại học trở lên”		1,00	+ ≥ 4 năm: 1 điểm. + ≥ 2 năm: 0,7 điểm. + < 2 năm: 0 điểm.	
4.2.2	Số lượng “hợp đồng” đã làm Chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình xây dựng, cấp III trở lên tính từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu (mốc thời gian tính theo ngày nghiệm thu công tác tư vấn). Lưu ý: + Nếu nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải có xác nhận của Chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, biên bản nghiệm thu nội bộ giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, hợp đồng giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư. + Nhà thầu cung cấp Bản chụp chứng thực tài liệu để chứng minh: Hợp đồng tư vấn; Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư; Xác nhận của Chủ đầu tư có thể hiện sự tham gia của nhân sự hoặc các tài liệu tương đương khác; Bản chụp Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở để xác định loại và cấp công trình.		4,00	+ ≥ 03 hợp đồng: 4 điểm; + 02 hợp đồng: 2,8 điểm; + ≤ 01 hợp đồng: 0 điểm.	

4.3	Chủ nhiệm thiết kế	1	10,00	+ Tốt nghiệp từ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) hạng III trở lên (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu); + Có Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn. + Có hợp đồng lao động (hoặc tài liệu khác) để chứng minh khả năng huy động nhân sự. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh cho các yêu cầu nêu trên, và đáp ứng các yêu cầu sau thì được đánh giá theo mức điểm tương ứng.	7
4.3.1	Kinh nghiệm công tác tư vấn: “Xác định theo ngày cấp bằng đại học trở lên”		3,00	+ ≥ 4 năm: 3 điểm. + ≥ 2 năm: 2,1 điểm. + < 2 năm: 0 điểm.	
4.3.2	Số lượng “hợp đồng” đã làm Chủ nhiệm thiết kế công trình Nông nghiệp PTNT, cấp III trở lên, trong đó có các hạng mục: đê có bề rộng mặt $\geq 4\text{m}$ và tối thiểu 8 cống dưới đê có cửa van với bề rộng thông nước $\geq 2\text{m}$, trên nền cọc BTCT từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu (mốc thời gian tính theo ngày nghiệm thu công tác tư vấn). Lưu ý: + Nếu nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải có xác nhận của Chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, biên bản nghiệm thu nội bộ giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, hợp đồng giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư. + Nhà thầu cung cấp Bản chụp chứng thực tài liệu để chứng minh: Hợp đồng tư vấn; Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư; Xác nhận của Chủ đầu tư có thể hiện sự tham gia của nhân sự hoặc các tài liệu tương		7,00	+ ≥ 03 hợp đồng: 7 điểm; + 02 hợp đồng: 4,9 điểm; + ≤ 01 hợp đồng: 0 điểm.	

	đương khác; Bản chụp Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở để xác định loại và cấp công trình.				
4.4	Chủ trì thiết kế thủy lợi	1	5,00	+ Tốt nghiệp từ đại học trở lên chuyên ngành phù hợp + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) hạng III trở lên (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu); + Có Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn; + Có hợp đồng lao động (hoặc tài liệu khác) để chứng minh khả năng huy động nhân sự. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh cho các yêu cầu nêu trên và đáp ứng các yêu cầu sau thì được đánh giá theo mức điểm tương ứng.	3,5
4.4.1	Kinh nghiệm công tác tư vấn: “Xác định theo ngày cấp bằng đại học trở lên”		1,00	+ ≥ 4 năm: 1 điểm; + ≥ 4 năm: 0,7 điểm; + < 2 năm: 0 điểm.	
4.4.2	Số lượng “hợp đồng” đã làm Chủ nhiệm/Chủ trì thiết kế công trình Nông nghiệp PTNT, cấp III trở lên, trong đó có các hạng mục: đê có bề rộng mặt $\geq 4\text{m}$ và tối thiểu 8 cống dưới đê có cửa van với bề rộng thông nước $\geq 2\text{m}$, trên nền cọc BTCT từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu (mốc thời gian tính theo ngày nghiệm thu công tác tư vấn). Lưu ý: + Nếu nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải có xác nhận của Chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu phụ và		4,00	+ ≥ 03 hợp đồng: 4 điểm; + 02 hợp đồng: 2,8 điểm; + ≤ 01 hợp đồng: 0 điểm.	

	nhà thầu chính, biên bản nghiệm thu nội bộ giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, hợp đồng giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư. + Nhà thầu cung cấp bản chụp chứng thực tài liệu để chứng minh: Hợp đồng tư vấn; Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư; Xác nhận của Chủ đầu tư có thể hiện sự tham gia của nhân sự hoặc các tài liệu tương đương khác; Bản chụp Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở để xác định loại và cấp công trình.				
4.5	Chủ trì thiết kế giao thông	1	5,00	+ Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành phù hợp. + Có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình giao thông (đường bộ) hạng III trở lên (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu). + Có Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn + Có hợp đồng lao động (hoặc tài liệu khác) để chứng minh khả năng huy động nhân sự. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh cho các yêu cầu nêu trên và đáp ứng các yêu cầu sau thì được đánh giá theo mức điểm tương ứng.	3,5
4.5.1	Kinh nghiệm công tác tư vấn: “Xác định theo ngày cấp bằng đại học trở lên”		1,00	+ ≥ 4 năm: 1 điểm. + ≥ 2 năm: 0,7 điểm. + < 2 năm: 0 điểm.	

4.5.2	Số lượng “hợp đồng” đã làm Chủ trì thiết kế công trình đường bộ, cấp III trở lên từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu (mốc thời gian tính theo ngày nghiệm thu công tác tư vấn). Lưu ý: + Nếu nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải có xác nhận của chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, biên bản nghiệm thu nội bộ giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, hợp đồng giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư. + Nhà thầu cung cấp Bản chụp chứng thực tài liệu để chứng minh: Hợp đồng tư vấn; Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư; Xác nhận của Chủ đầu tư có thể hiện sự tham gia của nhân sự hoặc các tài liệu tương đương khác; Bản chụp Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.		4,00	+ ≥ 03 hợp đồng: 4 điểm; + 02 hợp đồng: 2,8 điểm; + ≤ 01 hợp đồng: 0 điểm.	
4.6	Chủ trì lập dự toán	1	5,00	+ Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành phù hợp; + Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng từ hạng II trở lên (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu); + Có Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn; + Có hợp đồng lao động (hoặc tài liệu khác) để chứng minh khả năng huy động nhân sự; Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh cho các yêu cầu nêu trên và đáp ứng các yêu cầu sau thì được đánh giá theo mức điểm tương ứng	3,5
4.6.1	Kinh nghiệm công tác tư vấn: “Xác định theo ngày cấp bằng đại học trở lên”		1,00	+ ≥ 7 năm: 1 điểm. + ≥ 4 năm: 0,7 điểm. + < 4 năm: 0 điểm.	

4.6.2	Số lượng “hợp đồng” đã làm Chủ trì lập dự toán/tổng mức đầu tư công trình Nông nghiệp PTNT nhóm B và cấp III trở lên, tính từ năm 2022 đến thời điểm đóng thầu (mốc thời gian tính theo ngày nghiệm thu công tác tư vấn). Lưu ý: + Nếu nhà thầu thực hiện với tư cách là nhà thầu phụ phải có xác nhận của Chủ đầu tư, hợp đồng giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, biên bản nghiệm thu nội bộ giữa nhà thầu phụ và nhà thầu chính, hợp đồng giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư, biên bản nghiệm thu giữa nhà thầu chính và Chủ đầu tư. + Nhà thầu cung cấp Bản chụp chứng thực tài liệu để chứng minh: Hợp đồng tư vấn; Biên bản nghiệm thu hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Xác nhận hoàn thành của Chủ đầu tư; Xác nhận của Chủ đầu tư có thể hiện sự tham gia của nhân sự hoặc các tài liệu tương đương khác; Bản chụp Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hoặc Quyết định phê duyệt thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở.		4,00	+ ≥ 03 hợp đồng: 4 điểm; + 02 hợp đồng: 2,8 điểm; + ≤ 01 hợp đồng: 0 điểm.	
4.7	Chuyên gia thực hiện gói thầu	10	15,00	+ 01 Chuyên gia khảo sát địa hình: Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành trắc địa, kỹ thuật trắc địa - bản đồ; (hoặc có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng và có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa hình từ hạng III trở lên); + 01 Chuyên gia khảo sát địa chất: Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất; (hoặc có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng và có chứng chỉ hành nghề khảo sát địa chất từ hạng III trở lên); + 04 Chuyên gia thiết kế thủy lợi: Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành thủy lợi;	10,5

			(hoặc có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng và có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi) từ hạng III trở lên); + 02 Chuyên gia thiết kế chuyên ngành giao thông: Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành cầu, đường; (hoặc có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành xây dựng và có chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình đường bộ từ hạng III trở lên); + 02 Chuyên gia lập dự toán: Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế xây dựng (hoặc có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng từ hạng III trở lên); Nhà thầu đính kèm: Bảng tốt nghiệp đại học trở lên; Chứng chỉ hành nghề còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu; Hợp đồng lao động (hoặc tài liệu khác) để chứng minh khả năng huy động nhân sự; Bảng lý lịch chuyên gia tư vấn. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh cho các yêu cầu nêu trên, và đáp ứng các yêu cầu sau thì được đánh giá theo mức điểm tương ứng.	
4.7.1	Kinh nghiệm công tác tư vấn: “Xác định theo ngày cấp bằng đại học trở lên”	15,00	+ ≥ 4 năm: 1,5 điểm. + ≥ 2 năm: 1,05 điểm. Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. (Tính cho mỗi cá nhân tham gia và điểm tối đa ở mục này là 15 điểm)	

5	Yêu cầu về chuyển giao công nghệ (nếu có), (Từ 0% đến 10% tổng số điểm)			
5.1	Không yêu cầu		Không yêu cầu	
	Tổng cộng (100%)	100,00		70,00

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp E-HSMT có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp.

Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá¹

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{\text{Gthấp nhất} \times T}{\text{Gđang xét}}$$

Trong đó:

- + Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;
- + Gthấp nhất: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;
- + G_{đang xét}: Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSDXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

- + Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
- + Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;
- + K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 80%;
- + G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ 20%;
- + K + G = 100%;
- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

¹ Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp dựa trên kỹ thuật thì bỏ khoản này.